TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 227/2019/QĐST-VDS	*Thủ Dầu Một, ngày 17 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG.

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 220/2019/TLST-VDS, ngày 09 tháng 5 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Phan Hoàng Anh S, sinh năm 1984; Địa chỉ: khu phố 6, phường P, thành phố T, tỉnh B.
- Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1983; Địa chỉ: khu phố 6, phường P, thành phố T, tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 09/5/2019, ông Phan Hoàng Anh S và bà Nguyễn Thị Hồng L đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông S và bà L yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc ông S và bà L thật sự tự nguyện ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Ông S và bà L thỏa thuận giao con chung là cháu Phan Hoàng Anh H, sinh ngày 21/02/2011 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự về con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Tòa án công nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Người yêu cầu phải chịu theo quy định tại Điều của 149 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Hoàng Anh S và bà Nguyễn Thị Hồng L thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày ban hành quyết định này, giấy chứng nhận kết hôn số 152, quyển số 01/2010, ngày 11/11/2010 của UBND phường Phú L, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh B cấp cho ông S và bà L không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Phan Hoàng Anh H, sinh ngày 21/02/2011 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông S và bà L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với người không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung là cháu Phan Hoàng Anh H, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông S và bà L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Phan Hoàng Anh S và bà Nguyễn Thị Hồng L mỗi người nộp số tiền là 150.000^{đ} (Một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng số tiền là 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng), được trừ hết vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016- 0033904 ngày 09/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND Tp. T;
- Chi cục THADS Tp. T;
- UBND phường P, thành phố T, tỉnh B;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hoa Hạnh